

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số: 13/2018/HS-ST

Ngày: 06/3/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diêu.

2. Ông Đặng Ngọc Tân.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký
Toà án nhân dân huyện P

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên toà: Ông
Nguyễn Văn Kiên - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2018/HSST ngày 01/02/2018; Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/HSST-QĐ ngày 22/02/2018 đối với bị cáo:
Nguyễn Huy L, năm 1988

ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã QH, huyện P, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao
động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Bố đẻ: Nguyễn Huy L1, sinh năm 1956;

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.

Vợ, con: Chưa.

Tiền án: Bản án số 17/2012/HSST ngày 30/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 07 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 14/4/2006 Công an huyện P xử phạt hành C 100.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 31/7/2008 Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Ngày 25/9/2009 bị bắt đi cơ sở giáo dục Thanh Hà, Vĩnh Phúc thời hạn 24 tháng, đến ngày 13/9/2011 chấp hành xong.

Danh, chỉ, bản số 4235 Công an tỉnh B lập ngày 24/11/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/11/2017 đến ngày 26/11/2017 chuyển tạm giam.

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Vũ Văn C**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tổ 8, thị trấn A, huyện P, tỉnh B.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 23/11/2017 tại chỗ ở của bị cáo L ở thôn B, xã QH, huyện P, phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh B phát hiện L có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Vũ Văn C, đi cùng với C còn có chị Đỗ Thị M, sinh năm 1991 ở thôn AQ, xã AK, huyện P. Trước sự chứng kiến của hai người làm chứng là chị M và ông Cao Đức Th, sinh năm 1952 ở thôn B, xã QH, huyện P và đại diện C quyền địa phương. Kiểm tra người C thu giữ tại trong túi quần bên phải đang mặc được 01 gói bằng giấy màu xanh, bên trong

chứa chất bột màu trắng dạng cục, C khai đó là ma túy vừa mua của bị cáo L với giá 200.000đồng; kiểm tra người L thu tại túi quần bên phải đang mặc được số tiền 200.000đồng và 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu Mastel, L khai 200.000đồng là tiền vừa bán ma túy cho anh C.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của L Cơ quan điều tra không phát hiện, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 456/KLGĐ – PC54 ngày 23/11/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: *“M gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, có trọng lượng 0,0328 gam”*

Bản cáo trạng số: 14/KSĐT ngày 30 tháng 01 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo L về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt bị cáo L mức án từ 30 đến 36 tháng tù tính từ ngày 23/11/2017, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng Điều 106 BLTTHS 2015 tịch thu tiêu hủy phong bì bên trong có chứa ma túy thu của C, tịch thu số tiền 200.000đồng thu của L để sung công quỹ Nhà nước, đề nghị trả lại bị cáo 01 điện thoại di động cũ, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về đoàn tụ với gia đình và hòa nhập với xã hội.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Công an huyện P, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Điều tra viên cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, công an huyện P, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, Viện kiểm sát nhân dân huyện P trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo L đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp nội dung bản cáo trạng, lời khai của những người làm chứng cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác đã được Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 23/11/2017, tại chỗ ở của bị cáo L ở thôn B, xã QH, huyện P, phòng cảnh sát điều tra tội phạm ma túy Công an tỉnh B phát hiện, bắt quả tang bị cáo L có hành vi bán trái phép 0,0328 gam Hêrôin cho anh Vũ Văn C, sinh năm 1990, ở tổ 8 thị trấn A, huyện P với số tiền là 200.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 Bộ luật hình sự 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Xét thấy tại thời điểm xét xử đối với các bị cáo L, Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đã có hiệu lực pháp luật, nhưng xét thấy hình phạt tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” tại Bộ luật hình sự 2015 quy định tương đương hình phạt so với Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy cần áp dụng Bộ luật hình sự năm

1999 để xét xử đối với bị cáo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành BLHS số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3].Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp sự độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Ma túy đang là hiểm hoạ đối với toàn xã hội, làm huỷ hoại nhân cách con người, suy giảm sức lao động, là tiền đề nảy sinh mọi loại tội phạm khác trong xã hội, đồng thời nó cũng là căn nguyên dẫn đến truyền nhiễm căn bệnh thế kỷ HIV. Đảng và Nhà nước luôn tuyên truyền và giáo dục trên mọi phương tiện thông tin đại chúng về tác hại của ma túy cũng như quy định của pháp luật xử lý đối với những hành vi phạm tội về ma túy. Bị cáo coi thường pháp luật, đã cất giấu ma túy đem bán trái phép cho các đối tượng nghiện khác để tiếp tục lấy tiền sử dụng ma túy. Vì vậy việc xét xử bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết và lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội cũng như tác dụng trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4].Xét về tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo cho thấy: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, do vậy khi lượng hình cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 để bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù nhưng chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Từ những phân tích nêu trên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, như mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thì mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Xét thấy hiện tại bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về nguồn gốc số ma túy bị cáo khai mua của người đàn ông khoảng 50 tuổi, không biết tên và địa chỉ ở khu vực cầu tây, thị trấn Quỳnh Côi, huyện P. Quá trình điều tra không xác định được người đàn ông này, nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[5]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của C 01 gói ma túy loại Hêrôin, xét thấy đây là chất gây nghiện Nhà nước cấm L1 hành, vì vậy cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra còn thu giữ của L 200.000 đồng và 01 điện thoại di động cũ, xét thấy số tiền 200.000 đồng xác định là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước, đối với chiếc điện thoại di động cũ nhãn hiệu Mastel, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo L và không liên quan đến hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo đề nghị xin lại, vì vậy cần trả lại cho bị cáo L là phù hợp với Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[6]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Huy L** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 45 Bộ luật hình sự; 1999.

Xử phạt Nguyễn Huy L: 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 23/11/2017.

2. Xử lý vật chứng: *Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.*

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đựng trong phong bì niêm phong hoàn trả mẫu vật sau giám định số 456/KLGĐ của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B.

- Tịch thu số tiền 200.000đồng (*Hai trăm ngàn*) để sung công quỹ Nhà nước.

- Tuyên trả lại bị cáo L 01 điện thoại di động cũ nhãn hiệu Mastel.

“Tất cả vật chứng và tài sản trên có đặc điểm như biên bản bàn giao giữa Công an huyện và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ ngày 31/01/2018 và hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ đang quản lý”.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Huy L phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án..

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Đức (đã ký)

